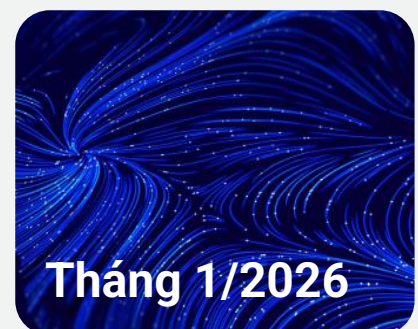


Bản tin

Kinh tế vĩ mô

Quý 4/2025



Tháng 1/2026

Kinh tế Việt Nam năm 2025: Tăng trưởng mạnh tạo đà cho giai đoạn mới

Một số điểm nhấn vĩ mô Việt Nam trong năm 2025 như sau:

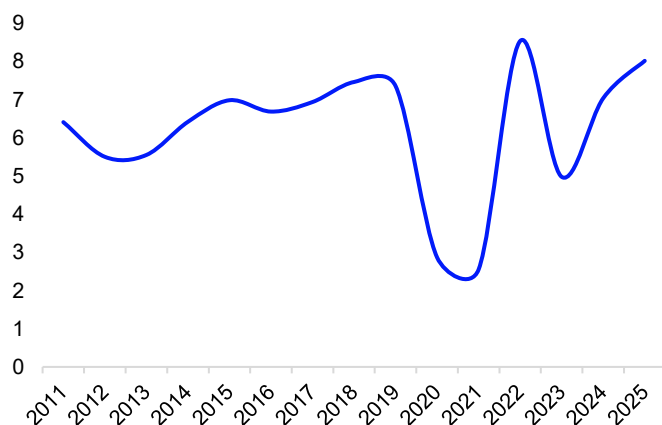
- GDP Q4.2025 tăng trưởng 8.46%, đưa mức tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 8% - mức cao thứ hai kể từ năm 2011.
- Xuất khẩu dẫn dắt tăng trưởng với mức tăng 17% trong năm 2025, tạo ra cán cân thương mại 20 tỷ USD.
- Lạm phát được kiểm soát tốt tại mức 3.3% – thấp hơn mục tiêu Quốc hội đề ra 4.5%.
- Doanh số bán lẻ và dịch vụ tăng 9.2% so với cùng kỳ, nhờ động lực tăng trưởng tích cực đến từ hoạt động du lịch (+20% svck) và lưu trú, ăn uống (+14,6% svck).
- Lãi suất tiếp tục được duy trì ở mức thấp trước định hướng hỗ trợ nền kinh tế của Chính phủ, tuy nhiên lãi suất huy động có xu hướng tăng nhẹ vào cuối năm
- Tỷ giá USD/VND tăng 3.2% so với cuối năm 2024. Áp lực tỷ giá kỳ vọng sẽ giảm bớt trong năm 2026 sau các đợt giảm lãi suất của Fed giúp chênh lệch lãi suất VND-USD trở lại mức dương.
- Tăng trưởng tín dụng đạt 17.87% tính đến 24/12/2025, cao hơn tăng trưởng huy động là 14,1%. Tính đến cuối năm, tăng trưởng tín dụng đạt 19,01%.

Việt Nam khép lại năm 2025 với mức tăng trưởng GDP ấn tượng 8,02%, cán đích mục tiêu đầy tham vọng mà Quốc hội đặt ra. Đây là mức tăng cao nhất trong 15 năm trở lại đây (nếu không tính năm 2022 với tăng trưởng đột biến 8,47%). Bình quân giai đoạn 2021 – 2025 tăng 6,3%, cao hơn giai đoạn trước (6,2%), nếu không tính năm 2021 chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 thì tăng trưởng đạt 7,13%/năm, vượt mục tiêu 6,5% – 7%. Tăng trưởng mạnh dần về cuối năm với GDP Quý 4 tăng 8,46% thể hiện quyết tâm thực thi chính sách quyết liệt hơn trong giai đoạn cuối của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025. Kết quả này cũng cho thấy Việt Nam đã vững vàng vượt qua một năm đầy sóng gió với nhiều biến động từ môi trường quốc tế và áp lực thương mại toàn cầu diễn ra từ đầu năm khi Hoa Kỳ áp dụng chính sách thuế quan mới. Năm 2025 cũng là một năm bản lề khi một loạt cải cách mang tính bước ngoặt được khởi xướng để tạo tiền đề cho giai đoạn 2026 – 2030 với mục tiêu tăng trưởng GDP trên 10% và trở thành nước có thu nhập trung bình cao và nằm trong top đầu khu vực.

Sản xuất và xuất khẩu dẫn dắt tăng trưởng

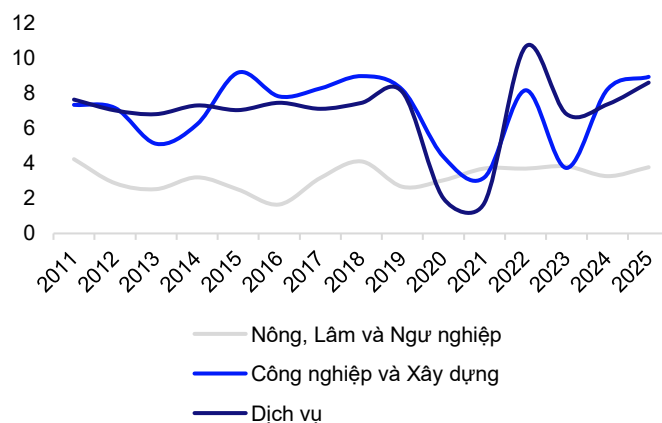
Trong quý 4/2025, GDP tăng 8,46% so với cùng kỳ, mức cao nhất trong các quý 4 từ năm 2011 đến nay. Ngành công nghiệp tăng 9,73%, đóng góp 45,8% vào tăng trưởng quý, trong đó trụ cột của nền kinh tế là Ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng mạnh 10,56%. Các nhóm sản phẩm có tốc độ tăng trưởng cao nhất là hóa chất, kim loại, dược phẩm, dệt may, thực phẩm, xe có động cơ đều tăng trên 10% so với cùng kỳ, riêng nhóm điện tử đi vào ổn định hơn với mức tăng 9,2%. Các dịch vụ hỗ trợ như vận tải, kho bãi cũng tăng trưởng tốt với mức tăng 10,83%.

Tăng trưởng GDP từ năm 2011 – 2025, (% so với năm trước)



Nguồn: TCTK

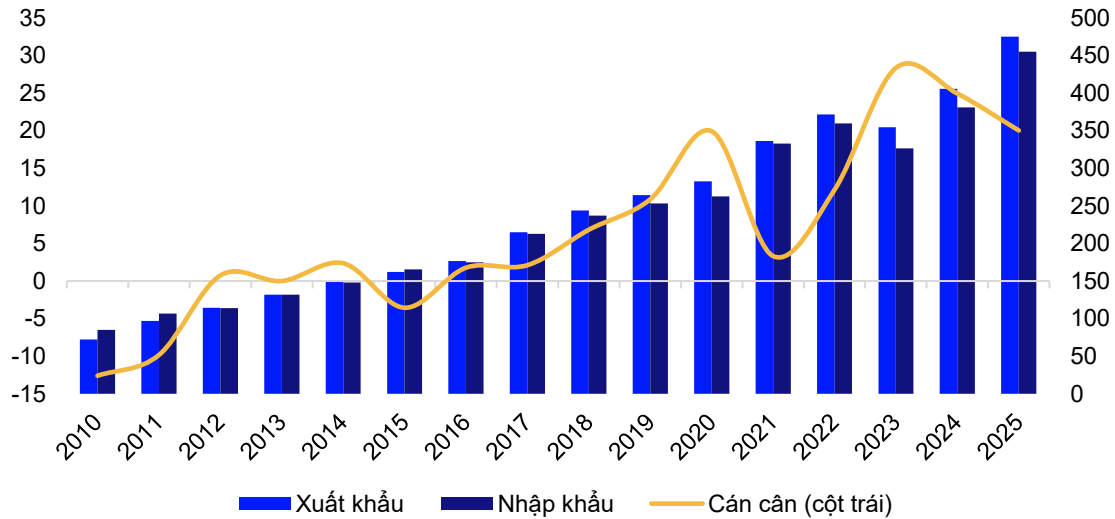
Tăng trưởng GDP từ năm 2011 – 2025, theo lĩnh vực (% so với năm trước)



Nguồn: TCTK

Xuất nhập khẩu là điểm sáng bất ngờ nhất trong năm nay với tổng kim ngạch hai chiều lên tới 930 tỷ USD, tăng mạnh 18,2% so với năm trước và tương đương 180% GDP, tạo ra thặng dư thương mại 20 tỷ USD. Kết quả này vượt xa kỳ vọng hồi đầu năm khi Hoa Kỳ áp dụng chính sách thuế quan mới với mức thuế đối ứng 20% áp dụng cho Việt Nam, tạo ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam nói riêng và cả chuỗi giá trị toàn cầu nói chung.

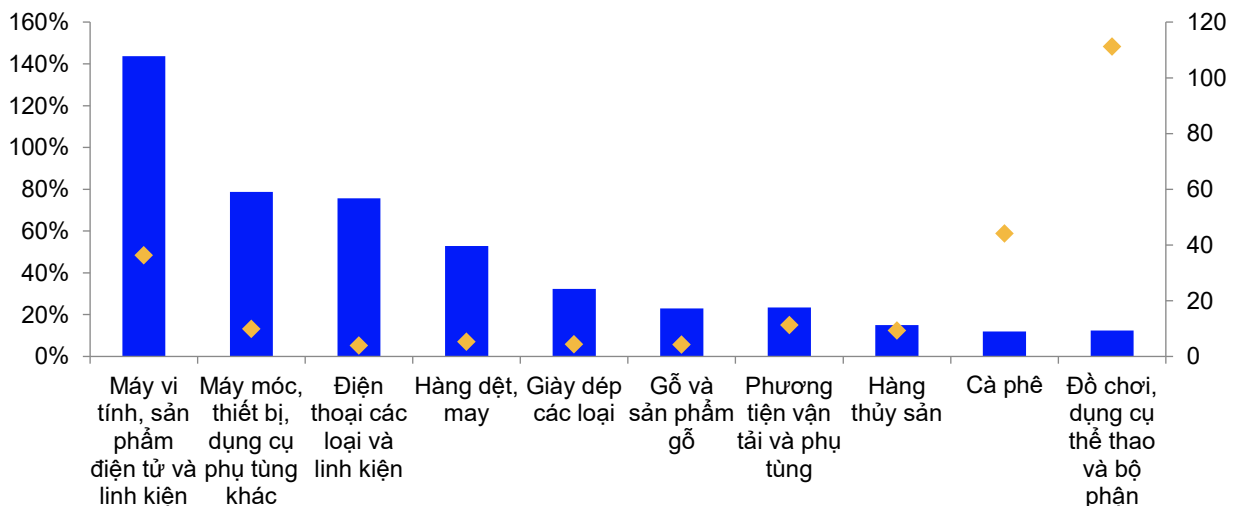
Giá trị xuất nhập khẩu và cán cân thương mại hàng năm, 2010 – 2025 (tỷ USD)



Nguồn: TCHQ

Cụ thể trong năm 2025, **xuất khẩu tăng 17% so với năm 2024**. Thị trường Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu số 1 của Việt Nam với tổng giá trị 153,1 tỷ USD (32% thị phần), đồng thời cũng là thị trường tăng trưởng mạnh nhất (+28,2%) và đóng góp nhiều nhất vào mức tăng chung. Các mặt hàng xuất khẩu truyền thống vào Hoa Kỳ như dệt may, da giày, đồ gỗ, thủy sản vẫn thể hiện sức chống chịu khá tốt với mức tăng từ 5% - 10%, động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ mặt hàng điện tử với mức tăng 81% so với năm 2024.

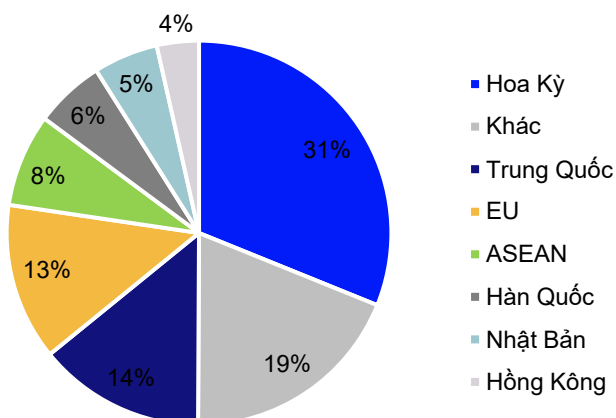
Các mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao nhất năm 2025 (tỷ USD) và tăng trưởng so với năm trước



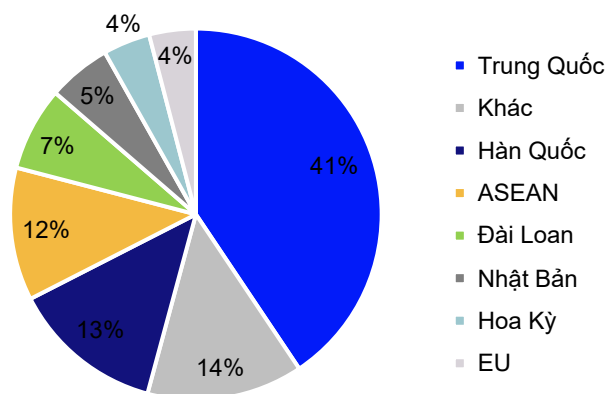
Nguồn: TCHQ

Ngược lại, **nhập khẩu cũng tăng mạnh 19,4% trong năm 2025**, chủ yếu nhờ các mặt hàng nguyên liệu phục vụ sản xuất. Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam (40% thị phần) đồng thời có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất (+29%). Bên cạnh đó, nhập khẩu từ Hoa Kỳ cũng ghi nhận mức tăng đột biến (+27,7%) sau khi những thỏa thuận thương mại mới được thiết lập. Có thể thấy rằng, Việt Nam đã thể hiện sức chống chịu rất tốt trước những áp lực thương mại mới, đồng thời củng cố được vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Thị phần các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam năm 2025



Thị phần các thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam năm 2025

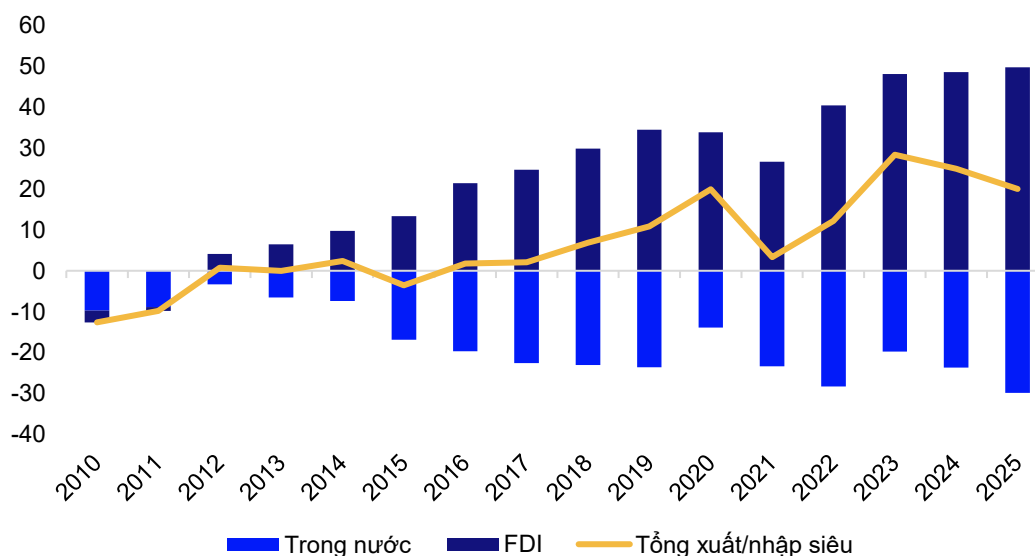


Nguồn: TCHQ

Nguồn: TCHQ

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng trong bức tranh thương mại tươi sáng này, khối FDI vẫn là nhóm chiếm ưu thế và tận dụng được thời cơ để tăng tốc (xuất khẩu tăng 26,9%, xuất siêu 49,7 tỷ USD). Trong khi đó, nhóm doanh nghiệp trong nước lại chịu tác động tiêu cực và thụt lùi (xuất khẩu giảm 7,4%, nhập siêu 29,8 tỷ USD). Để thu hẹp khoảng cách này, các doanh nghiệp Việt Nam cần có đột phá về năng lực sản xuất để có thể tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Xuất/nhập siêu của nhóm FDI và nhóm doanh nghiệp trong nước (tỷ USD)

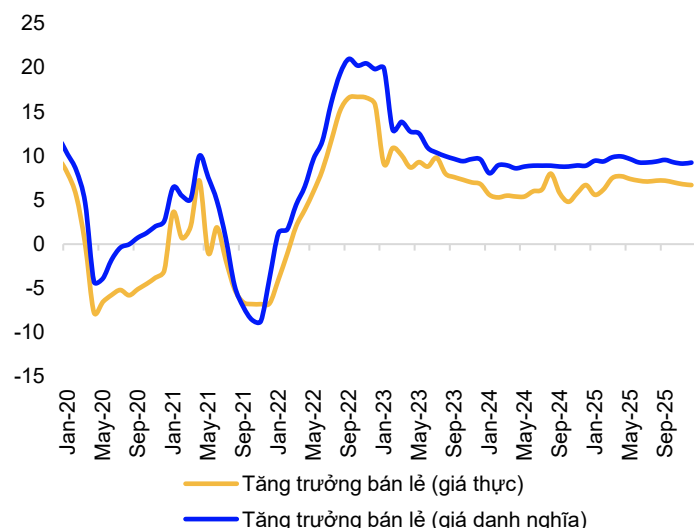


Nguồn: TCHQ

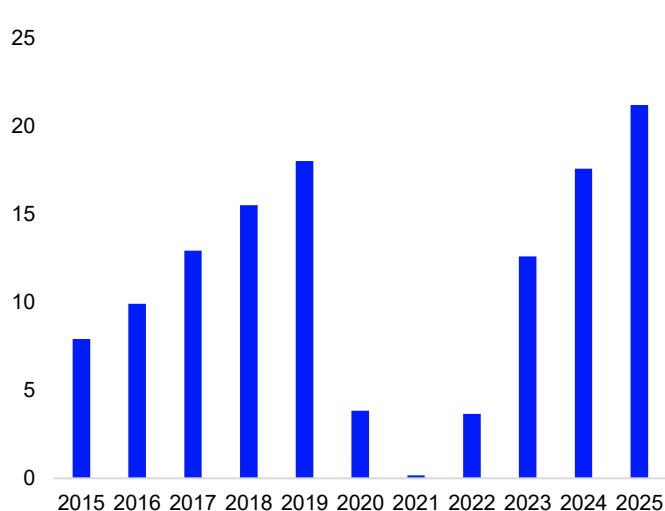
Tiêu dùng phục hồi chưa đồng đều

Trong năm 2025, GDP khu vực dịch vụ tăng 8,82% và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu GDP, đóng góp 51% vào mức tăng trưởng chung. Tuy nhiên, tổng mức bán lẻ hàng hóa chỉ tăng 6,7% sau khi loại trừ yếu tố giá, cho thấy cầu nội địa vẫn chưa thực sự bùng nổ để trở thành động lực dẫn dắt tăng trưởng. Mặc dù lạm phát tổng thể vẫn ở mức ổn định (+3,31%), hai nhóm hàng lớn nhất trong rổ CPI là thực phẩm và nhà ở cùng tăng đáng kể đã tác động tới sức tiêu dùng của số đông hộ gia đình.

Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa (% so với cùng kỳ)



Số lượt khách du lịch quốc tế đến Việt Nam (triệu khách)



Nguồn: TCTK

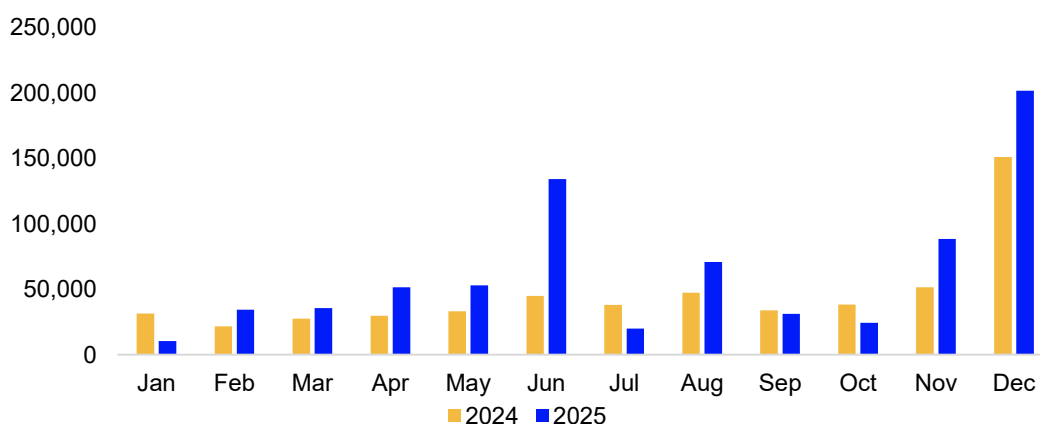
Nguồn: TCTK

Tăng trưởng của khu vực dịch vụ chủ yếu được hỗ trợ bởi sự phục hồi của du lịch (lưu trú và ăn uống tăng 10%) và nhóm các hoạt động hỗ trợ sản xuất (vận tải, kho bãi tăng 10,8%). Khách quốc tế đến Việt Nam đạt kỷ lục 21,2 triệu lượt khách trong năm 2025, tăng mạnh 20,4% so với năm trước. Nhờ đó, xuất khẩu dịch vụ cũng tăng mạnh 18,9% so với năm 2024.

Đầu tư công là đầu tàu thúc đẩy tăng trưởng

Trong bối cảnh chính sách tiền tệ không còn nhiều dư địa mở rộng, chính sách tài khóa trở thành trụ cột chính thúc đẩy tăng trưởng. Năm 2025, đầu tư công được đẩy mạnh nhờ hàng loạt thay đổi quan trọng về chính sách và thể chế. Luật Đầu tư công sửa đổi có hiệu lực từ đầu năm đã phân cấp mạnh cho địa phương, đồng thời đơn giản hóa thủ tục thẩm định và áp dụng quy trình số hóa để giảm chong chéo. Chính phủ cũng triển khai hệ thống quản lý đầu tư công trực tuyến, giúp giám sát tiến độ và giải ngân theo thời gian thực, đồng thời công khai danh sách dự án và vốn giải ngân trên cổng thông tin quốc gia nhằm tăng tính minh bạch. Về tài khóa, chính sách ưu tiên vốn cho các dự án hạ tầng chiến lược như giao thông, năng lượng và chuyển đổi số được thực hiện, cùng với cơ chế ứng vốn từ ngân sách năm sau để đẩy nhanh tiến độ. Nhờ những cải cách này, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 đạt khoảng 82,7% kế hoạch Thủ tướng giao, tương đương 755 nghìn tỷ đồng, tăng hơn 206 nghìn tỷ so với năm 2024, đây là mức cao nhất trong nhiều năm và góp phần quan trọng vào tăng trưởng GDP cả năm.

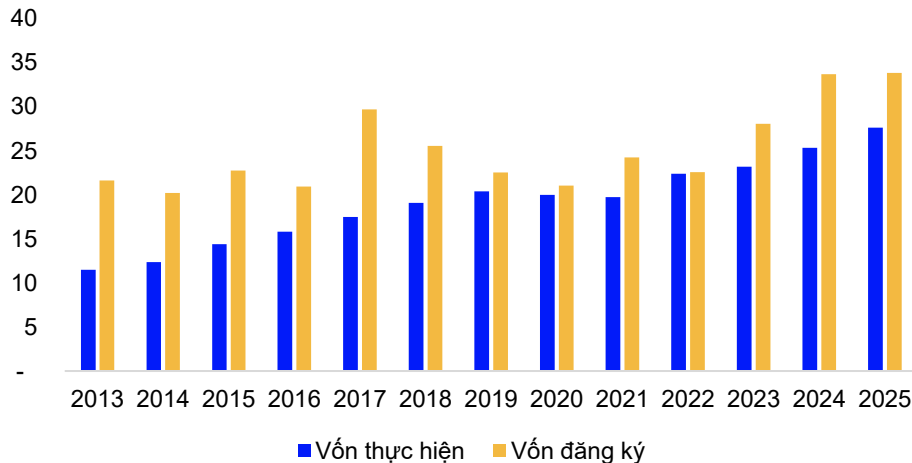
Giải ngân vốn đầu tư công hàng tháng (tỷ đồng)



Nguồn: MOF

Vốn FDI cũng duy trì tăng trưởng ổn định với tổng giá trị giải ngân 27,62 tỷ USD, tăng 9% so với năm trước. Tuy nhiên, vốn đăng ký chậm lại, chỉ tăng nhẹ 0,5% so với năm 2024, phản ánh bối cảnh bất ổn toàn cầu khiến nhà đầu tư nước ngoài thận trọng hơn trước các quyết định đầu tư mới. Trên thế giới, kinh tế phục hồi chậm, lãi suất cao kéo dài tại Mỹ và EU cùng với căng thẳng thương mại và địa chính trị khiến dòng vốn đầu tư quốc tế thận trọng hơn. Trong khu vực, các nước ASEAN cũng triển khai ưu đãi thuế mạnh và cải thiện hạ tầng nhanh, tạo áp lực cạnh tranh lớn đối với Việt Nam. Trong nước, Chính phủ siết chặt tiêu chuẩn môi trường và công nghệ, yêu cầu dự án FDI đáp ứng tiêu chí xanh và chuyển đổi số, đồng thời rà soát lại ưu đãi thuế để phù hợp với cam kết quốc tế, khiến nhà đầu tư cân nhắc kỹ hơn.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam (tỷ USD)

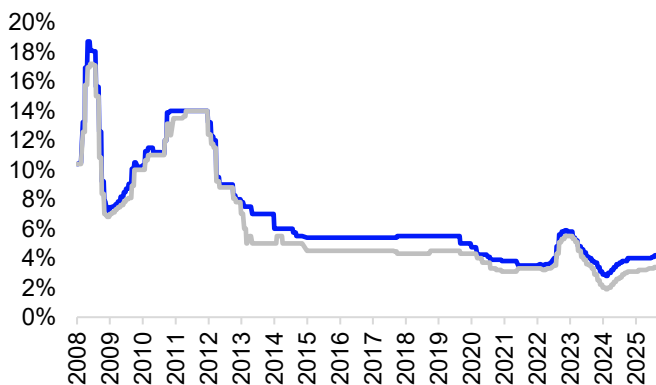


Nguồn: MOF

Chính sách tiền tệ hỗ trợ tăng trưởng theo hướng thận trọng

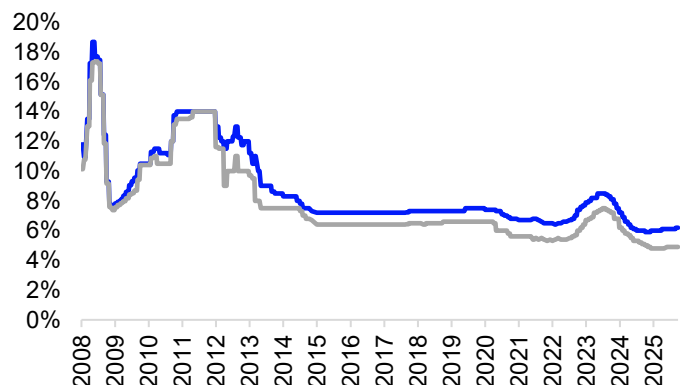
Sau các đợt giảm mạnh từ năm 2024, mặt bằng lãi suất năm 2025 tiếp tục được duy trì ở mức thấp để hỗ trợ tăng trưởng. Lãi suất huy động kỳ hạn dài trên 12 tháng duy trì trong khoảng 5% - 6%/năm, trong khi lãi suất ngắn hạn dao động từ 3% - 4%/năm. Theo đó, tổng phương tiện thanh toán M2, huy động vốn của các tổ chức tín dụng và tín dụng ra nền kinh tế đều tăng trưởng ở mức cao trong nhiều năm, lần lượt tăng 14,98%, 14,1% và 17,87%. Với tốc độ tăng trưởng thường xuyên ở mức cao hơn tăng trưởng GDP, tổng dư nợ tín dụng đã chạm mức 143% GDP trong năm 2025. Quy mô tín dụng quá lớn có thể gây ra nhiều rủi ro cho nền kinh tế, gây áp lực lên lạm phát, tăng rủi ro thanh khoản, nợ xấu và bong bóng tài sản, đồng thời hiệu quả sử dụng vốn không còn được đảm bảo.

Lãi suất huy động kỳ hạn 1-6 tháng (cao nhất – thấp nhất)



Nguồn: NHNN, S&I Ratings

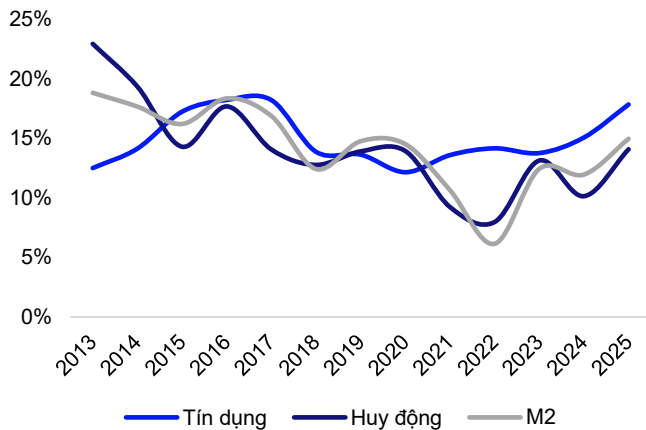
Lãi suất huy động kỳ hạn trên 12 tháng (cao nhất – thấp nhất)



Nguồn: NHNN, S&I Ratings

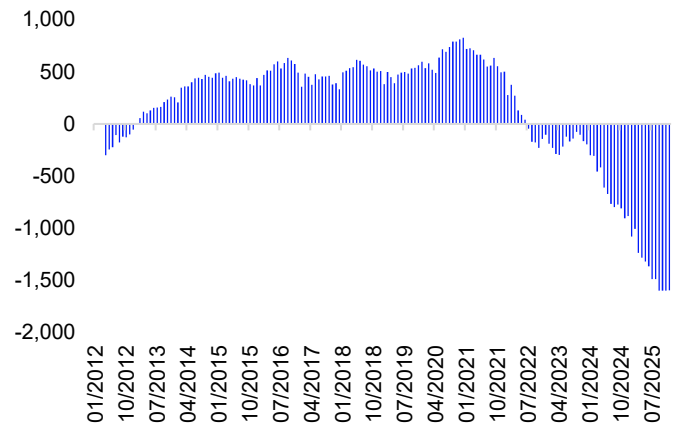
Tăng trưởng tín dụng cao hơn huy động khiến chênh lệch huy động – tín dụng tiếp tục mở rộng gây áp lực lên thanh khoản hệ thống ngân hàng. Tại thời điểm cuối năm 2025, tổng quy mô tín dụng là 18,4 triệu tỷ đồng, trong khi tổng huy động vốn của các tổ chức tín dụng là 16,8 triệu tỷ, tạo ra mức chênh lệch gần 1,6 triệu tỷ. Bên cạnh đó, 80% nguồn vốn huy động là vốn ngắn hạn, trong khi gần 50% dư nợ tín dụng cho vay lại là dài hạn. Mất cân đối về kỳ hạn là vấn đề thường trực của hệ thống ngân hàng, ảnh hưởng đến khả năng cân đối nguồn vốn của các ngân hàng và làm tăng rủi ro thanh khoản cho hệ thống ngân hàng. Do đó, đa dạng hóa kênh dẫn vốn là nhu cầu cấp thiết để chia sẻ gánh nặng với hệ thống ngân hàng, tạo điều kiện cho thị trường vốn phát triển mạnh hơn với các kênh huy động dài hạn như cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp.

Tăng trưởng tín dụng, huy động và M2 (% so với năm trước)



Nguồn: NHNN, S&I Ratings

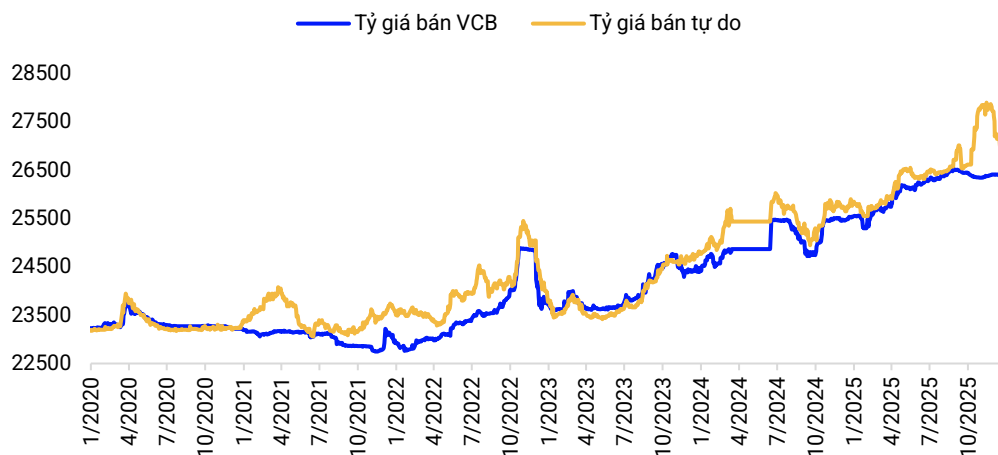
Chênh lệch huy động – tín dụng trên hệ thống ngân hàng (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: NHNN, S&I Ratings

Ổn định tỷ giá là một trong những thành công của chính sách tiền tệ năm 2025. Tỷ giá USD/VND kết thúc năm tăng 3,2% trong bối cảnh chịu nhiều áp lực từ: (i) nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu, và xuất siêu chủ yếu tập trung ở nhóm doanh nghiệp FDI trong khi nhóm doanh nghiệp trong nước nhập siêu khiến nguồn cung ngoại tệ yếu đi; (ii) khối ngoại bán ròng mạnh trên thị trường chứng khoán (5,2 tỷ USD trong năm 2025) và (iii) tình trạng găm giữ ngoại tệ khi giá vàng tăng mạnh và chênh lệch giá vàng trong nước và quốc tế neo cao. Cần lưu ý rằng, sau 3 đợt hạ lãi suất của Fed trong năm 2025, giá trị đồng USD so với rổ tiền tệ mạnh (chỉ số DXY) đã giảm 9,3%, đồng thời chênh lệch lãi suất VND-USD tăng dần trở lại mức dương để tạo sức hút cho đồng nội tệ, kỳ vọng áp lực lên tỷ giá VND sẽ bớt căng thẳng hơn trong năm 2026.

Tỷ giá USD/VND trên thị trường ngân hàng và tự do



Nguồn: S&I Ratings

Triển vọng 2026: Mô hình phát triển mới toàn diện hơn

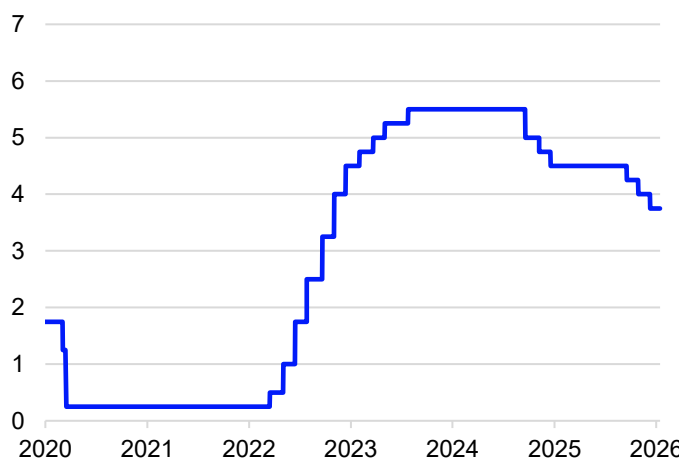
Năm 2026 mở đầu cho Kế hoạch 5 năm 2026–2030 và được coi là điểm khởi đầu của giai đoạn “Kỷ nguyên Vươn mình”, khi Việt Nam đặt tham vọng trở thành nước phát triển với thu nhập cao và nâng cao vị thế quốc gia. Mục tiêu tăng trưởng GDP 10% tuy tham vọng nhưng đã có sự chuẩn bị từ năm 2025 với một loạt cải cách được khởi xướng mang tính bước ngoặt như cải cách thể chế và thủ tục hành chính, thúc đẩy khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, và đặc biệt là phát triển kinh tế tư nhân với vai trò trụ cột phát triển. Quan trọng hơn, năm 2025 là minh chứng cho thấy hiệu quả thực thi chính sách của Việt Nam đã được cải thiện đáng kể và có thể kỳ vọng Việt Nam sẽ từng bước đạt được các mục tiêu đã đề ra.

Ổn định vĩ mô trong bối cảnh thế giới khó lường

Kinh tế toàn cầu đã trải qua nhiều cú sốc về địa chính trị trong những năm gần đây, liên quan đến các điểm nóng xung đột trên thế giới như Nga – Ukraine, tình hình Trung Đông hay cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc, trực tiếp ảnh hưởng tới giá năng lượng, thị trường tài chính – tiền tệ, dòng chảy thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu. Những xung đột này khó có thể kết thúc trong tương lai gần, thế giới đang học cách thích nghi với điều kiện thị trường thường xuyên biến động hơn, chuỗi cung ứng dịch chuyển do chịu tác động của chủ nghĩa bảo hộ. Năm 2026 được kỳ vọng sẽ có ít cú sốc về vĩ mô hơn, thay vào đó, lo ngại về vĩ mô trở thành mối lo chính. Cuộc đổ bộ của trí tuệ nhân tạo đã gây ra cú sốc lớn cho thị trường lao động, việc làm bị cắt giảm do nhu cầu giảm ở nhiều lĩnh vực phi công nghệ và do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại. Thị trường lao động yếu cùng với lạm phát neo cao khiến sức tiêu dùng suy yếu ở nhiều quốc gia trên thế giới.

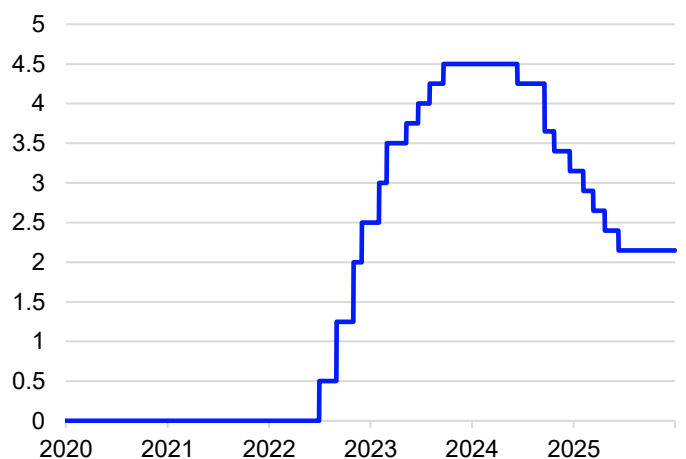
Trên thị trường tài chính, sau 3 lần giảm lãi suất trong năm 2025, Fed được kỳ vọng sẽ có thêm 2 đợt cắt giảm trong năm 2026. Các nền kinh tế lớn khác như EU, Anh đã bắt đầu hạ lãi suất từ năm 2024 và cũng được kỳ vọng sẽ giảm nới lỏng và tiến tới ổn định lãi suất dưới áp lực lạm phát cao. Như vậy, sau giai đoạn thắt chặt 2022–2023, các nền kinh tế đã bắt đầu hạ lãi suất nhưng với tốc độ chậm, lãi suất tiếp tục duy trì cao hơn trung bình lịch sử để đảm bảo lạm phát quay về mục tiêu. Điều này dẫn đến chi phí vốn cao kéo dài, dòng tiền đầu tư tiếp tục thận trọng, tốc độ phục hồi kinh tế chậm.

Lãi suất điều hành của Mỹ - Fed Funds Rate (%)



Nguồn: NHNN, S&I Ratings

Lãi suất điều hành của NHTW Châu Âu ECB (%)



Nguồn: NHNN, S&I Ratings

Với độ mở kinh tế cao và sức tiêu dùng nội địa chưa hoàn toàn phục hồi, kinh tế Việt Nam vẫn rất nhạy cảm với các biến động từ bên ngoài. Do đó, việc đa dạng hóa thị trường, tránh phụ thuộc quá nhiều vào các thị trường lớn sẽ giúp xuất khẩu của Việt Nam gia tăng sức chống chịu trước các biến động trên thế giới.

Kiến tạo mô hình phát triển mới

Để đạt được mục tiêu đầy tham vọng, Việt Nam đã mạnh dạn từ bỏ mô hình tăng trưởng cũ dựa vào vốn, lao động giá rẻ và tài nguyên để xác lập mô hình phát triển mới mang tính bao trùm và toàn diện hơn, dựa trên năng suất, chất lượng, khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trong mô hình này, Việt Nam đặc

biệt chú trọng xây dựng thể chế linh hoạt, hiện đại, chuyển từ tư duy quản lý sang quản trị phát triển, tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế số, kinh tế xanh, khoa học – công nghệ và các ngành mũi nhọn như AI hay bán dẫn. Cùng với đó, con người được đặt vào vị trí trung tâm của quá trình phát triển, thông qua đầu tư mạnh mẽ vào nguồn nhân lực chất lượng cao, kỹ năng số và tư duy đổi mới sáng tạo. Song song, nền kinh tế được tái cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa hiện đại, thúc đẩy hình thành các vùng kinh tế mạnh, liên kết các trung tâm tăng trưởng như Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh hoặc TPHCM – Đông Nam Bộ – Đồng bằng sông Cửu Long nhằm tạo ra động lực lan tỏa và nâng cao hiệu quả đầu tư. Kinh tế tư nhân được đặt vào đúng vị trí động lực phát triển trụ cột của nền kinh tế, bên cạnh đó đầu tư công cũng được đẩy mạnh để xây dựng hoàn thiện hạ tầng phục vụ các hoạt động kinh tế xã hội.

Phát triển thị trường vốn để chia sẻ gánh nặng với hệ thống ngân hàng

Trong bối cảnh nhu cầu đầu tư cho giai đoạn này là rất lớn ở cả khu vực công và tư, Chính phủ cũng nhận thức rõ việc phụ thuộc quá lớn vào nguồn vốn tín dụng ngân hàng là không đủ và gây rủi ro mất cân bằng hệ thống, nhu cầu phát triển thị trường vốn cũng trở nên cấp bách hơn. Kế hoạch phát triển thị trường vốn của Việt Nam hướng tới xây dựng một thị trường hiện đại, minh bạch và bền vững, trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn chủ đạo của nền kinh tế. Chính phủ tập trung hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường chứng khoán, tài sản số và trung tâm tài chính quốc tế, đồng thời đẩy mạnh nâng hạng thị trường để thu hút dòng vốn quốc tế.

Theo định hướng này, Ngân hàng Nhà nước đã có hướng dẫn điều hành tăng trưởng tín dụng với mục tiêu khoảng 15% cho năm 2026, linh hoạt tùy diễn biến thị trường. Mục tiêu này không phải thấp so với mức trung bình 10 năm trở lại đây, tuy nhiên mục tiêu tăng trưởng giảm so với mức thực hiện của năm 2025 cũng phản ánh cách tiếp cận thận trọng của NHNN với ưu tiên kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng, đồng thời vẫn hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, NHNN cũng nhấn mạnh việc kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực rủi ro và lĩnh vực bất động sản nhằm hướng dòng vốn tín dụng đến các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực cần ưu tiên để tạo động lực tăng trưởng cho nền kinh tế. Chúng tôi kỳ vọng cách tiếp cận thận trọng này sẽ không gây ra cú sốc quá lớn cho thị trường bất động sản vốn đang ở trạng thái khá nóng và vẫn hỗ trợ tích cực cho các lĩnh vực kinh tế để đạt được những mục tiêu chung đã đặt ra.

Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm S&I

Số 1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện Thoại: 024 3208 1356

Miễn trừ trách nhiệm

Bất kỳ hành vi sao chép, chỉnh sửa, tái bản, truyền tải, phân phối lại, dưới bất kỳ hình thức và cách thức nào, đối với toàn bộ hoặc một phần nội dung trong báo cáo hoặc thông tin xếp hạng tín nhiệm đều bị nghiêm cấm, nếu không có sự cho phép trước bằng văn bản của S&I Ratings. Kết quả xếp hạng tín nhiệm và các đánh giá trong báo cáo là ý kiến tham khảo, không phải là khuyến nghị để mua, bán hoặc nắm giữ chứng khoán, công cụ nợ hoặc bất kỳ quyết định đầu tư nào. Trong mọi trường hợp, S&I Ratings sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại hoặc hậu quả nào từ việc ra quyết định đầu tư, trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan việc sử dụng thông tin trong báo cáo. Dữ liệu phân tích được thu thập từ tổ chức phát hành và các nguồn khác mà S&I Ratings cho rằng chính xác và đáng tin cậy. Tuy nhiên, có thể xảy ra những sai sót liên quan đến con người và/hoặc máy móc trong việc thu thập, S&I Ratings không đảm bảo tính chính xác, đầy đủ hoặc kịp thời của bất kỳ thông tin nào và sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ mất mát hoặc thiệt hại nào phát sinh từ các dữ liệu trên. Kết quả xếp hạng có thể thay đổi, thu hồi hoặc hết hiệu lực do các thông tin liên quan đến triển vọng của tổ chức phát hành và/hoặc vì nhiều yếu tố khác. Tất cả thông tin mới nhất liên quan đến kết quả xếp hạng và phương pháp đánh giá có thể tìm thấy tại Website www.sniratings.com.vn.